

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-ST

Ngày 11/5/2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 607/2022/TLST-DS ngày 22/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-DS ngày 03/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-DS ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S.

Địa chỉ: Số 07 Đinh T, tổ dân phố Đ, thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T.

Địa chỉ: Số 32, trục lộ 1, Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc N.

Địa chỉ: Số 07 Đinh T, tổ dân phố Đ, thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày như sau:

Vào ngày 01/02/2021 bà D và anh T có vay của vợ chồng ông S và bà N số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy xác nhận vay nợ, bà D và anh T cam kết trả trong thời hạn 30 tháng, mỗi tháng trả 01 lần số tiền là 5.000.000 đồng. Thời hạn trả từ tháng 05/2021 cho đến khi trả hết số tiền vay là 150.000.000 đồng. Mặc dù cam kết như vậy nhưng bà D, anh T mới chỉ trả được 2.900.000 đồng, cụ thể ngày 14/9/2022 trả 2.000.000 đồng và ngày 03/10/2022 trả 900.000 đồng, sau đó không thực hiện việc trả nữa.

Vì vậy, nay nguyên đơn ông S, bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà D và anh T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 147.100.000 đồng. Về lãi suất không yêu cầu trả, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Bá Thị Thúy D trình bày:

Trên mối quan hệ quen biết bà D có chơi huê, vay tiền với bà N, sau đó do tình hình kinh tế khó khăn, dịch bệnh CoVid nên không có tiền trả, vì vậy ngày 01/02/2021 vợ chồng bà N có lên nhà bà D soạn sẵn 01 giấy nhận vay nợ với số tiền là 150.000.000 đồng, sau khi xem bà D và con anh Phạm Minh T ký vào giấy và cam kết trả nợ nhưng do khó khăn nên chưa trả được nay vợ chồng bà N khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ là 147.100.000 đồng là đúng.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà D đồng ý trả số tiền còn nợ cho vợ chồng bà N là 147.100.000 đồng theo hình thức trả dần hằng tháng mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Anh T là con của bà D, anh T có ký xác nhận vào giấy vay tiền ngày 01/02/2021 cho vợ chồng bà N, nay nguyên đơn khởi kiện thì anh T đồng ý có trách nhiệm cùng bà D trả số nợ còn lại cho nguyên đơn là 147.100.000 đồng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Bà N thống nhất với ý kiến trình bày của ông S, yêu cầu bị đơn trả cho vợ chồng bà N số tiền vay gốc còn nợ là 147.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 01/02/2021 bà D và anh T ký giấy xác nhận vay nợ thể hiện có vay 150.000.000 đồng của ông S, bà N, bà D và anh T cam kết thời hạn vay là 30 tháng, mỗi tháng trả 01 lần là 5.000.000 đồng tiền gốc kể từ ngày 01/5/2021 cho đến khi trả hết số tiền vay là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà D, anh T mới chỉ trả được 2.900.000 đồng, cụ thể ngày 14/9/2022 trả 2.000.000 đồng và ngày

03/10/2022 trả 900.000 đồng, sau đó không trả như cam kết nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ là 147.100.000 đồng, thể hiện tại giấy xác nhận vay nợ ngày 01/02/2021 là phù hợp với quyền quyết định và tự định tự định đoạt của nguyên đơn, phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng là đúng thực tế, phù hợp lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với giấy xác nhận vay nợ ngày 01/02/2021. Nay bị đơn bà D, anh T thống nhất, xác nhận còn nợ vợ chồng nguyên đơn ông S, bà N số tiền 147.100.000 đồng và xin trả dần số tiền này theo hình thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S buộc bị đơn bà D, anh T phải có trách nhiệm trả cho ông S, bà N số tiền nợ gốc còn lại là 147.100.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn ông S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Bị đơn bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T phải chịu 147.100.000 đồng x 5% = 7.355.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Văn S số tiền 3.677.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0022648 ngày 17/11/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 170 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S.

Buộc bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc N số tiền vay gốc còn nợ là 147.100.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Bá Thị Thúy D và anh Phạm Minh T phải chịu 7.355.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Văn S số tiền 3.677.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0022648 ngày 17/11/2022.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

